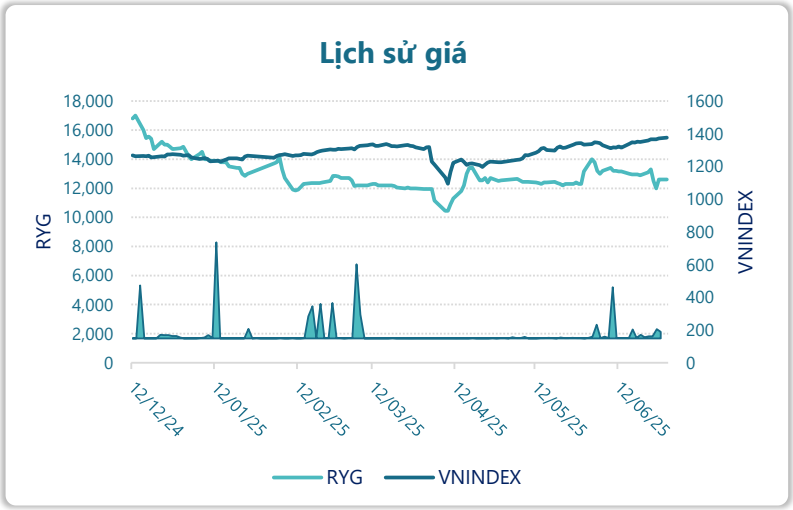
FireAnt

CTCP Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia (HSX: RYG)



Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**12,600**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	17,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	10,450
SL cổ phiếu LH	45,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	153,443
% sở hữu nước ngoài	0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	567
P/E	13.6
EPS	924

DT thuần

Q2/25

529

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 49.0| 10.2%

YoY: ▲ 100| 23.3%

LN sau thuế

Q2/25

12.1

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 8.58| 244%

YoY: ▼14.0| -53.6%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

7.3%

+/- YoY: ▼ 3.0%

DT thuần

6T 2025

1,009

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 201| 24.8%

LN sau thuế

6T 2025

15.6

tỷ VNĐ

YoY: ▼29.5| -65.3%

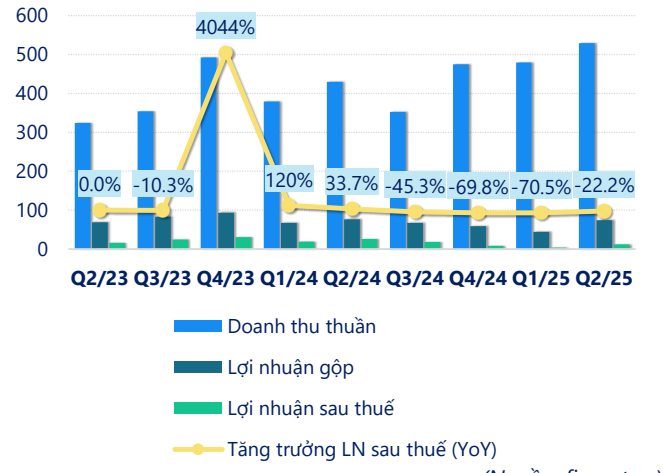
ROE

Q2/25

5.4%

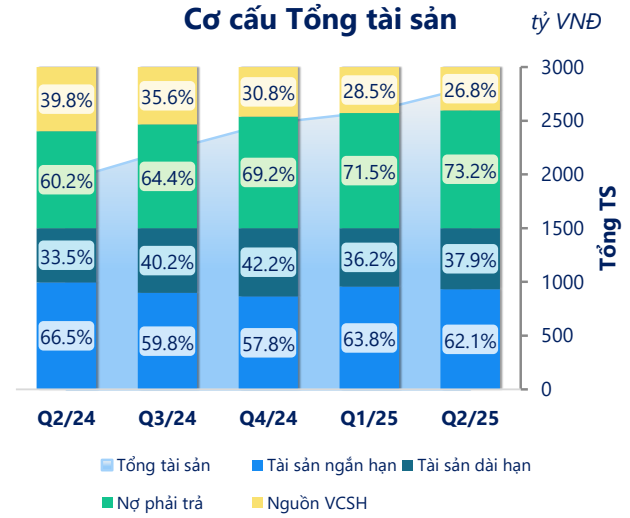
#VALUE!

Kết quả kinh doanh



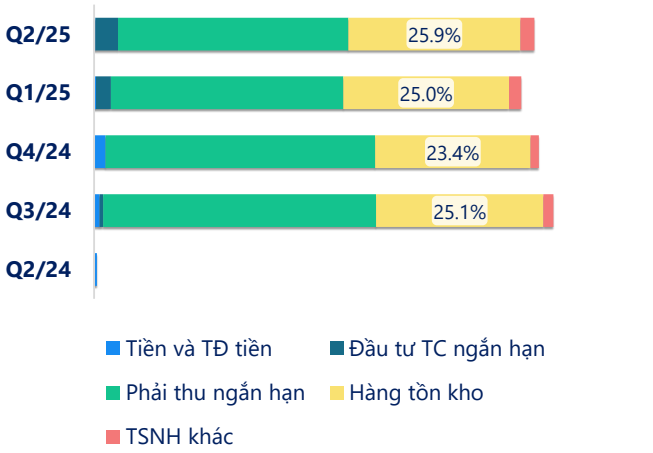
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



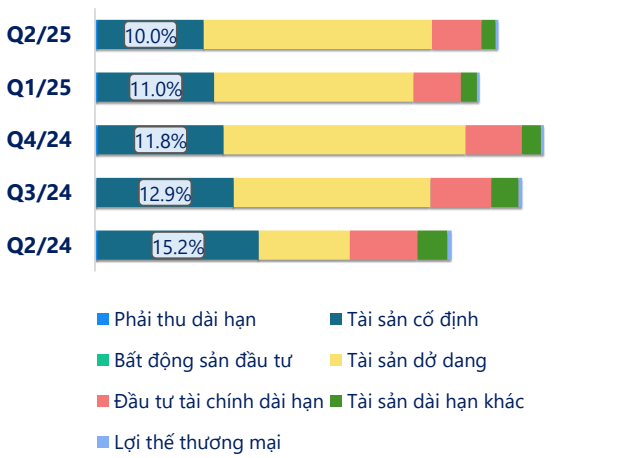
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



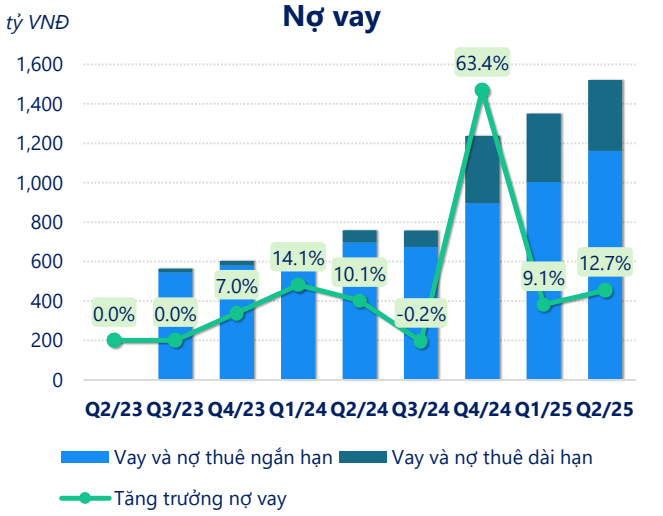
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



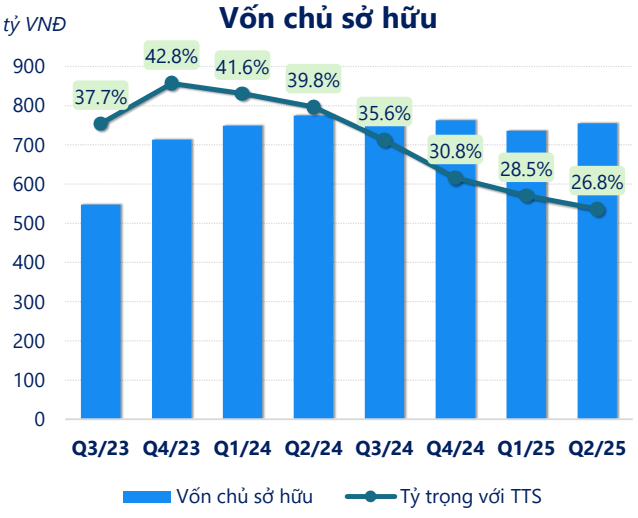
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



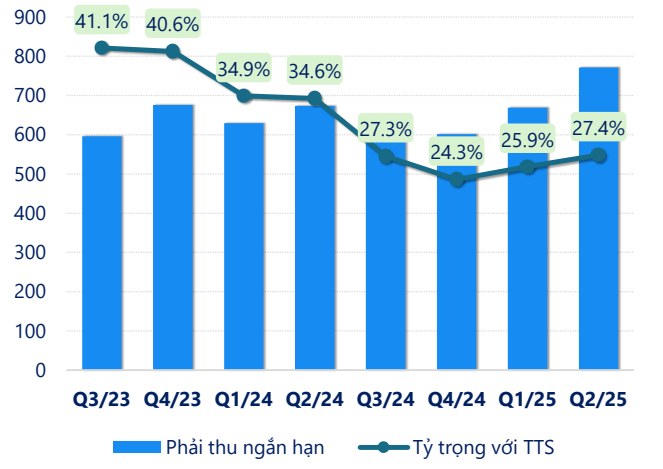
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



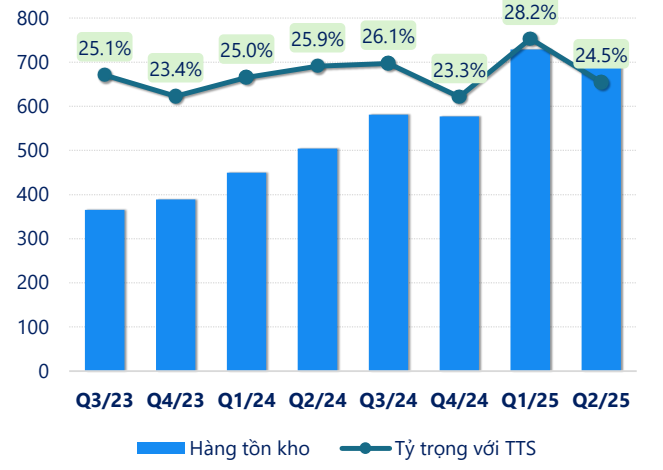
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



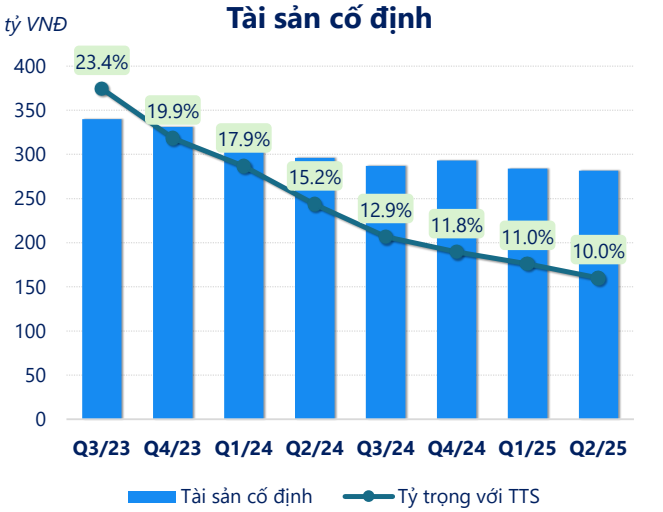
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



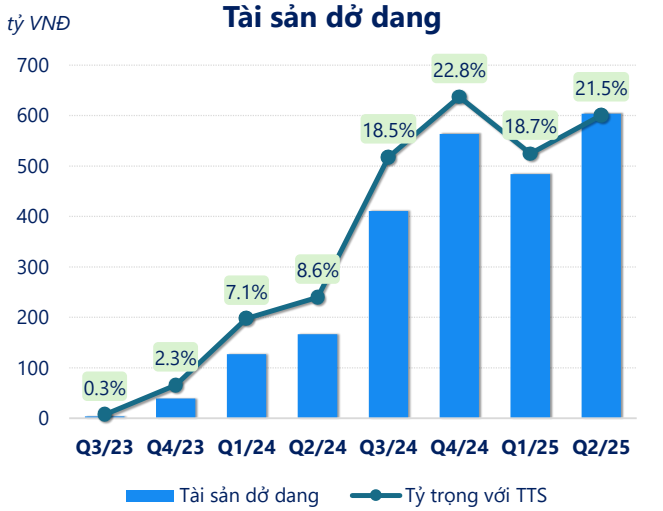
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



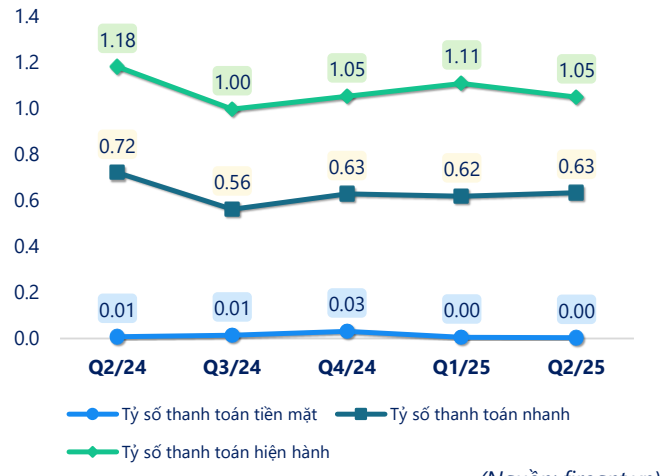
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



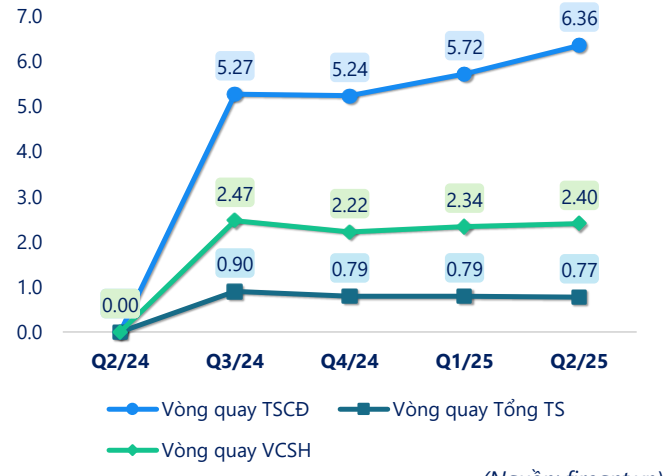
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	**1,946**	**2,223**	**2,476**	**2,580**	**2,814**
Tài sản ngắn hạn	**1,293**	**1,330**	**1,431**	**1,647**	**1,747**
Tiền và tương đương tiền	8.59	18.5	42.2	7.21	5.91
Đầu tư tài chính ngắn hạn	66.2	91.3	158	203	243
Phải thu ngắn hạn	674	606	602	669	772
Hàng tồn kho	504	581	577	729	691
Tài sản ngắn hạn khác	40.5	32.9	51.6	38.6	35.5
Tài sản dài hạn	**652**	**893**	**1,045**	**933**	**1,067**
Phải thu dài hạn	3.92	3.27	6.25	5.47	6.27
Tài sản cố định	296	287	293	284	281
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	166	411	563	484	604
Đầu tư tài chính dài hạn	124	127	131	115	131
Tài sản dài hạn khác	54.8	57.7	44.0	38.8	38.4
Lợi thế thương mại	7.40	7.17	6.94	6.70	6.47
Nợ phải trả	**1,171**	**1,431**	**1,714**	**1,844**	**2,059**
Nợ ngắn hạn	**1,095**	**1,334**	**1,359**	**1,485**	**1,666**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	697	674	896	1,004	1,163
Phải trả người bán ngắn hạn	277	514	329	314	349
Nợ dài hạn	76.0	97.1	355	360	394
Vay và nợ thuê dài hạn	61.5	82.7	341	346	359
Nguồn vốn chủ sở hữu	**775**	**792**	**762**	**736**	**755**
Vốn chủ sở hữu	**775**	**792**	**762**	**736**	**755**
Vốn điều lệ	450	450	450	450	450
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)